

TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP
VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ

PHƯƠNG ÁN

QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ, GIAI ĐOẠN 2021-2030

Thừa Thiên Huế, tháng 3/2021

**TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP
VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ**

PHƯƠNG ÁN

**QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ, GIAI ĐOẠN 2021-2030**

**CHỦ ĐẦU TƯ
VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ
GIÁM ĐỐC**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
LÂM NGHIỆP NHIỆT ĐỚI
VIỆN TRƯỞNG**

Thừa Thiên Huế, tháng 3/2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1	1
ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG VỀ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	1
I. ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.....	1
1. Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, thủy văn và thổ nhưỡng	1
2. Dân sinh, kinh tế, xã hội.....	4
II. ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG VỀ TÀI NGUYÊN RỪNG	10
1. Hiện trạng sử dụng đất.....	10
2. Hiện trạng tài nguyên rừng.....	15
3. Dịch vụ môi trường rừng và du lịch sinh thái	21
4. Hiện trạng về cơ sở vật chất	28
CHƯƠNG 2.....	44
ĐÁNH GIÁ QUY HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT	44
I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC.....	44
1. Công tác quản lý rừng	44
2. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng	45
3. Quản lý lâm sản ngoài gỗ	47
4. Phát triển rừng	48
5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học	48
6. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.....	51
7. Nhận xét: những ưu điểm, tồn tại trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.	52
II. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG	54
1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt.....	54
2. Phân khu phục hồi sinh thái.....	58
3. Phân khu dịch vụ, hành chính.....	63
4. Vùng đệm: diện tích, hiện trạng vùng đệm ngoài, vùng đệm trong	66
5. Nhận xét: thực trạng phân khu, vùng đệm có những thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và các hoạt động của đơn vị.	67
III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH	67
1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công.	67
2. Hạng mục các nguồn kinh phí của chủ rừng	67
3. Hạng mục các nguồn chi của chủ rừng:	68

IV. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THEO BỘ NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ TẠI PHỤ LỤC SỐ I THÔNG TƯ SỐ 28/2018/TT-BNNPTNT	69
1. CÁC NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC	69
2. CÁC NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ CHƯA ĐẠT	70
BẢNG 2.8: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC HIỆN CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	70
CHƯƠNG 3	73
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ	73
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	73
1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng	73
2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững	74
II. CĂN CỨ	75
1. Văn bản quy phạm pháp luật	75
2. Văn bản của địa phương	78
3. Cam kết quốc tế	78
4. Các tài liệu liên quan	80
III. MỤC TIÊU	82
1. Mục tiêu chung	82
2. Mục tiêu cụ thể	82
IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHƯƠNG ÁN	83
1. Kế hoạch sử dụng đất	83
2. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ	93
3. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	95
4. Kế hoạch phát triển rừng	105
5. Kế hoạch cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật	108
6. Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực	110
7. Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	111
8. Kế hoạch xây dựng hạ tầng, đầu tư trang thiết bị phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng	119
8.1. Kế hoạch xây dựng hạ tầng	119
8.2. Kế hoạch đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	128
9. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng	129

10. Kế hoạch hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, cho thuê môi trường rừng	129
11. Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng	133
12. Kế hoạch theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng	134
13. Kế hoạch thực hiện các nguyên tắc quản lý rừng bền vững	135
V. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	138
1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý	138
2. Nguồn vốn đầu tư	139
VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	142
1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực	142
2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan	143
3. Giải pháp về khoa học, công nghệ	143
4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư	144
5. Giải pháp khác	146
VII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN	149
1. Hiệu quả về môi trường	149
2. Hiệu quả về xã hội	149
3. Hiệu quả về kinh tế	150
CHƯƠNG 4	151
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	151
I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	151
1. Ban Giám đốc	151
2. Phòng Tổ chức - Hành chính	151
3. Phòng Kế hoạch - Tài chính	151
4. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	152
5. Hạt Kiểm lâm	152
6. Trung tâm Giáo dục môi trường và Dịch vụ	153
7. Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật	153
II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT	154
1. Mục tiêu	154
2. Các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá	154
3. Kế hoạch giám sát	155
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	155
1. Kết luận	155
2. Kiến nghị	156

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Hiện trạng sử dụng đất của VQG Bạch Mã	11
Bảng 1.2. Hiện trạng rừng của VQG Bạch Mã	16
Bảng 1.3. Trữ lượng các loại rừng VQG Bạch Mã	19
Bảng 1.4: Các nguồn thu từ dịch vụ MTR của VQG Bạch Mã	22
Bảng 1.5: Số lượng công trình cơ sở hạ tầng	28
Bảng 1.6: Thống kê hiện trạng phương tiện, thiết bị của VQG Bạch Mã.....	30
Bảng 2.1. Thành phần thực vật bậc cao có mạch tại VQG Bạch Mã.....	48
Bảng 2.2. Thành phần động vật rừng chủ yếu VQG Bạch Mã	49
Bảng 2.3. Hiện trạng rừng Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt VQG Bạch Mã	54
Bảng 2.4. Hiện trạng rừng Phân khu phục hồi sinh thái VQG Bạch Mã	58
Bảng 2.5. Hiện trạng rừng Phân khu Dịch vụ hành chính VQG Bạch Mã	63
Bảng 2.6. Các nguồn thu hàng năm của VQG Bạch Mã.....	67
Bảng 2.7. Các hạng mục chi của VQG Bạch Mã	68
Bảng 3.1. Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của VQG Bạch Mã.....	84
Bảng 3.2. Diện tích các phân khu chức năng sau quy hoạch	89
Bảng 3.3. Đánh giá chỉ tiêu HCVPs tại khu vực VQG Bạch Mã.....	103
Bảng 3.4. Kế hoạch bảo tồn khu rừng có giá trị bảo tồn cao	104
Bảng 3.5. Các khu vực cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	130
Bảng 3.5a. Tổng hợp kế hoạch thực hiện các tiêu chí quản lý rừng bền vững	136
Bảng 3.6. Tóm tắt nhu cầu vốn theo hạng mục thực hiện Phương án quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững VQG Bạch Mã giai đoạn 2021-2030.....	138
Bảng 3.7. Tóm tắt nguồn vốn đầu tư thực hiện Phương án quản lý bền vững của VQG Bạch Mã giai đoạn 2021 - 2030	139
Bảng 3.8. Phân kỳ đầu tư vốn quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững cho VQG Bạch Mã giai đoạn 2021 - 2030.....	141

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BVR	Bảo vệ rừng
BVNN	Bảo vệ nghiêm ngặt
CITES	Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) ký tại Washington D.C ngày 01/3/1973
DABT	Dự án bảo tồn
DLST	Du lịch sinh thái
DVDL&GDMT	Dịch vụ du lịch và giáo dục môi trường
ĐDSH	Đa dạng sinh học
GCNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
HCDV	Hành chính dịch vụ
HCV	Rừng có giá trị bảo tồn cao
NĐ06	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
NĐ64	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 07 năm 2019 của Chính Phủ về Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
IUCN	Sách đỏ IUCN
KNTS	Khoanh nuôi tái sinh
PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
PHST	Phục hồi sinh thái
SĐVN	Sách Đỏ Việt Nam 2007
TP	Thành phố
VQG	Vườn quốc gia

CHƯƠNG 1

ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG VỀ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

I. ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, thủy văn và thổ nhưỡng

a) Vị trí địa lý, địa hình

Vị trí địa lý

- VQG Bạch Mã thuộc địa giới hành chính của hai tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam, vùng đệm bao gồm 15 xã và thị trấn của 03 huyện: Phú Lộc, Nam Đông (tỉnh Thừa Thiên Huế) và Đông Giang (tỉnh Quảng Nam). Cụ thể như sau:

- Tọa độ địa lý:

+ Từ 15°59'28'' đến 16°16'02'' Vĩ độ Bắc

+ Từ 107°37'22'' đến 107°54'58'' Kinh độ Đông.

- Ranh giới:

+ Phía Bắc giáp huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Phía Nam giáp huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

+ Phía Đông giáp huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

+ Phía Tây giáp huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa hình

VQG Bạch Mã là phần cuối của dãy Trường Sơn Bắc, có nhiều dãy núi với các đỉnh núi cao trên 1.000 m chạy ngang theo hướng từ Tây sang Đông và thấp dần ra phía biển. Địa hình hiểm trở, bị chia cắt mạnh và rất dốc, độ dốc bình quân toàn khu vực là 15° - 25°, nhiều nơi có dốc đứng trên 40°. Dưới chân của các dải núi là những thung lũng hẹp, dài với những dòng suối trong và sạch tạo nên vẻ đẹp độc đáo thu hút khách du lịch, đồng thời góp phần cải tạo tiểu khí hậu vùng và cũng là một trong những điều kiện thuận lợi tạo nên giá trị ĐDSH cao của vùng này. Nhìn chung VQG Bạch Mã có địa hình phức tạp được cấu tạo bởi nhiều dãy núi trung bình và thấp nên được chia thành 2 vùng khác nhau.

- *Vùng núi trung bình*

Độ dốc bình quân 25° - 30°, độ cao bình quân 900 - 1.000m, nhiều nơi có độ dốc > 45°, trong vùng có nhiều đỉnh cao > 1.000m. Điển hình là các đỉnh núi cao như: đỉnh Truồi 1.170m, đỉnh Nôm 1.208m, đỉnh Atin 1.298m, đỉnh Abram cao 1.080m, đỉnh Cùi cao 1.094m, đỉnh Bạch Mã 1.450m và cao nhất là đỉnh Núi Mang 1.712m. Đây là vùng núi đất xen kẽ với đá với kiểu thảm thực vật rừng chủ yếu là kiểu rừng kín thường xanh mưa mùa á nhiệt đới được phân bố ở độ cao trên 900m. Từ độ cao trên 1.000 m là nơi đan xen giữa các loài thực vật á nhiệt đới và nhiệt đới, tạo nên cảnh sắc đặc trưng, hấp dẫn du khách.

- *Vùng núi thấp*

Độ cao bình quân của khu vực này là 400 - 500 m, độ dốc trung bình 15 - 25⁰, có những nơi độ dốc trên 35⁰. Thảm thực vật rừng của khu vực là kiểu rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới. Kiểu rừng vùng này phân tầng rõ rệt và thành phần loài rất phong phú.

b) Khí hậu

VQG Bạch Mã nằm trong vùng giao thoa giữa 02 đai khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu nhiệt đới điển hình. Là nơi có sự chuyển tiếp khí hậu giữa miền Bắc và Nam với mùa mưa đến sớm và kết thúc muộn. Hằng năm, Bạch Mã chịu tác động của hai loại gió chính là Đông Bắc (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau) và Tây Nam (từ tháng 5 đến tháng 10).

Nhiệt độ trung bình ở Bạch Mã giảm dần từ Đông sang Tây, có nghĩa là khí hậu tại đây bị chi phối bởi độ cao và hướng địa hình. Càng lên cao nhiệt độ càng giảm, trung bình cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,5-0,6⁰C. Ở khu vực đồi dưới 100m, nhiệt độ trung bình là 24-25⁰C; vùng núi thấp dưới 750m, đạt 20-22⁰C; khu vực trên 750m thì nhiệt độ trung bình là dưới 20⁰C. Ở khu vực đỉnh Bạch Mã, nhiệt độ thấp nhất không vượt xuống dưới 4⁰C vào mùa đông và nhiệt độ cao nhất không vượt quá 30⁰C vào mùa hè. Vào buổi chiều thường có mưa dông và mây mù trên các đỉnh núi cao.

Lượng mưa trung bình hàng năm tương đối lớn: 3.400 mm. Mưa chủ yếu tập trung vào các tháng mùa mưa từ tháng VIII đến tháng I năm sau chiếm 75-80% tổng lượng mưa năm. Do lượng mưa lớn, luôn có mây mù nên độ ẩm trung bình cao 85-90%.

Nhiệt độ và lượng mưa bình quân ở các khu vực thuộc địa phận VQG Bạch Mã cụ thể như sau:

- Huyện Nam Đông có lượng mưa bình quân năm 3.681 mm, nhiệt độ bình quân năm là 24,9⁰C;
- Huyện Phú Lộc có lượng mưa bình quân năm 3.436 mm, nhiệt độ bình quân năm là 25⁰C;
- Huyện Đông Giang có lượng mưa bình quân năm 2.250 mm, nhiệt độ bình quân năm là 23,5⁰C.

c) Thủy văn

Hệ thống thủy văn ở VQG Bạch Mã rất dày đặc với nhiều suối lớn nhỏ phân bố từ đỉnh đến vùng đệm, chủ yếu chảy theo các hướng chính Tây Nam, Tây - Tây Bắc. Mạng lưới thủy văn của Vườn là nơi bắt nguồn của nhiều con sông chính và con sông phụ cận. Do cấu trúc địa chất và các tầng đất mà khả năng điều tiết nước ở vùng núi này là rất lớn, cho nên khu vực này quanh năm có nước, lượng dòng chảy tương đối đều trong toàn khu vực của VQG.

Đây cũng là nguồn cung cấp nước chính cho các con sông trong vùng như: sông Truồi, sông Cu Đê, sông Khe Su và nhất là sông Tả Trạch (đầu nguồn của sông Hương). VQG Bạch Mã là nguồn dự trữ nước cực kỳ quan trọng trong việc giữ cân bằng sinh thái, phát triển kinh tế xã hội cho các xã vùng đệm.

Đặc biệt hiện nay trên thượng nguồn sông Truồi thuộc địa bàn VQG Bạch Mã quản lý đã xây dựng một hồ chứa nước với dung tích khoảng 60.000.000m³ nhằm cung cấp nước phục vụ cho sản xuất nông lâm nghiệp, góp phần cải tạo tiểu khí hậu vùng và giữ ẩm cho cây nông nghiệp, lâm nghiệp sinh trưởng và phát triển.

d) Địa chất và thổ nhưỡng

Về địa chất

Nền vật chất Vườn Quốc gia Bạch Mã được hình thành chủ yếu từ các nhóm đá mẹ sau:

- Nhóm đá Mácma axit (ký hiệu a), chủ yếu là đá Granít, chiếm 98,9% diện tích khu rừng.
- Nhóm nền vật chất bồi tụ và dốc tụ ven sông suối, chân đồi núi, chiếm 1,1% diện tích khu rừng.

Thổ nhưỡng

Vườn Quốc gia Bạch Mã có các loại đất chính sau:

- Đất Feralít vàng đỏ phát triển trên đá Mácma axit (Fa): Chiếm 55,8% diện tích khu rừng. Phân bố tập trung phía Đông của RĐD; đất có độ dày < 50 cm, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, kết cấu rời rạc, tỷ lệ đá lộ đầu cao 25 - 50%, hệ số sử dụng đất thấp; đất có khả năng giữ nước kém, đất nghèo mùn và hơi chua.
- Đất màu xám phát triển trên đá Mácma axit (Xa): Chiếm 43,1% diện tích khu rừng. Phân bố chủ yếu ở phía Tây của khu rừng; đất có thành phần cơ giới nhẹ, độ dày tầng đất > 50 cm, tỷ lệ đá lộ đầu cao 30 - 40%, hệ số sử dụng đất thấp.
- Đất bồi tụ, dốc tụ (P): Chiếm 1,1% diện tích khu rừng. Phân bố chủ yếu ven sông, suối, chân đồi núi. Thành phần cơ giới thịt nhẹ đến trung bình; hàm lượng chất dinh dưỡng cao. Loại đất này thích hợp cho sản xuất nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, vườn rừng.

(Nguồn: BQL Vườn Quốc gia Bạch Mã; Kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu và Phát triển Lâm nghiệp Nhiệt đới, năm 2020)

e) Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

Thuận lợi

Đặc điểm địa hình, khí hậu ở Vườn Quốc gia Bạch Mã là điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình DLST, nghỉ dưỡng, giải trí. Vườn Quốc gia Bạch Mã có địa hình hiểm trở, bị chia cắt mạnh và dốc, với nhiều đỉnh núi cao, dưới chân núi là những thung lũng hẹp, dài với hệ thống sông suối đã tạo nên vẻ đẹp độc đáo để phát triển du lịch. Điển hình là cảnh quan khu vực đỉnh núi Bạch Mã, DLST Đá Dựng, Khu DLST Thác Mơ, Khu DLST Khe Ao, Khu DLST Thác Phưôn, Khu DLST Nhị Hồ, Khu DLST Hồ Truồi.

Về vị trí địa lý, VQG Bạch Mã nằm gần các Khu du lịch nổi tiếng như: Cố đô Huế, Bãi biển Lăng Cô, các Khu du lịch của TP. Đà Nẵng và Hội An,...với hệ thống giao thông phát triển; cách sân bay Đà Nẵng 60Km, sân bay Phú Bài 30 Km; cách khu hệ đầm